

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8480201

(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-NTT ngày 01 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên ngành đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Công nghệ thông tin (CNTT)
 - Tên tiếng Anh: Information Technology
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
- Khoá học áp dụng: từ khóa 2022
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tổng số tín chỉ/ khoá: 60 tín chỉ

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

PEOs	Mục tiêu đào tạo của chương trình
PEO1	Đào tạo nguồn nhân lực cao cấp đứng đầu trong nhóm phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai các giải pháp Công nghệ thông tin (bao gồm xây dựng hạ tầng, cung cấp dịch vụ và phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin) và vận dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề sản xuất, kinh doanh, quản lý, đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.
PEO2	Đào tạo học viên có kỹ năng sáng lập và quản lý nhóm, giao tiếp đa phương tiện, khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên môn, có khả năng thích nghi với nền kinh tế thị trường đa dạng và luôn biến động;

PEO3	Đào tạo học viên có khả năng tích hợp công nghệ mới, tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, tư duy phân biện để giải quyết các vấn đề của thực tiễn phù hợp với các chuẩn quốc tế.
PEO4	Đào tạo học viên có khả năng thể hiện sự tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng xã hội, động cơ học tập suốt đời, đam mê sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

2.1 Các điều kiện về ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm để tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề:
 - + Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - + Kỹ năng quản lý thời gian
 - + Kỹ năng tìm kiếm công việc

2.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành CNTT có:

2.2.1 Kiến thức

PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực công nghệ thông tin
PLO2 (K2)	Phân tích các yêu cầu của người sử dụng, các tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường đối với hệ thống CNTT để phục vụ cho việc lựa chọn, sáng tạo, đánh giá và quản lý hệ thống CNTT

PLO3 (K3)	Thiết kế hệ thống phần mềm và phần cứng đáp ứng các yêu cầu đề ra bằng cách vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, kỹ thuật hiện đại và các cách tiếp cận thích hợp.
PLO4 (K4)	Phát triển hệ thống CNTT bằng cách vận dụng tích hợp các kỹ thuật, kỹ năng và công nghệ phù hợp.
PLO5 (K5)	Vận hành hệ thống CNTT một cách an toàn, hiệu quả dựa trên việc thu thập, phân tích, đánh giá, lý giải thông tin một cách có hệ thống, sự hiểu biết về các diễn hình tốt và các tiêu chuẩn quốc tế.

2.2.2 Kỹ năng

PLO6 (S1)	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.
PLO7 (S2)	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau kể cả giao tiếp tiếng Anh.
PLO8 (S3)	Làm việc trong các nhóm đa ngành, đa chức năng, các dự án liên quan trong vai trò là thành viên hay quản lý kỹ thuật.

2.2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO9 (A1)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.
PLO10 (A2)	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, đam mê nghiên cứu khoa học, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

3. Mối liên hệ giữa Mục tiêu (POs) với Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PO1	✓	✓	✓	✓	✓			✓		
PO2						✓	✓			
PO3	✓		✓					✓		
PO4									✓	✓

4. Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ đại học)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
1	Kiến thức	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực công nghệ thông tin - Phân tích các yêu cầu của người sử dụng, các tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường đối với hệ thống CNTT để phục vụ cho việc lựa chọn, sáng tạo, đánh giá và quản lý hệ thống CNTT - Thiết kế hệ thống phần mềm và phần cứng đáp ứng các yêu cầu đề ra bằng	CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành tương đối giống nhau về kiến thức, hội đủ các yếu tố cơ bản về khoa học, về quản lý thiết kế hệ thống CNTT của Khung trình độ quốc gia Việt Nam

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ đại học)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
2	Kỹ năng	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. - Kỹ năng nghiên cứu phát triển và	cách vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, kỹ thuật hiện đại và các cách tiếp cận thích hợp. - Phát triển hệ thống CNTT bằng cách vận dụng tích hợp các kỹ thuật, kỹ năng và công nghệ phù hợp. - Vận hành hệ thống CNTT một cách an toàn, hiệu quả dựa trên việc thu thập, phân tích, đánh giá, lý giải thông tin một cách có hệ thống, sự hiểu biết về các diễn hình tốt và các tiêu chuẩn quốc tế. - Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề. - Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau kể cả giao tiếp tiếng Anh. - Làm việc trong các nhóm đa ngành, đa chức năng, các dự án liên quan trong vai trò là thành viên hay quản lý kỹ thuật.	Các yếu tố về kỹ năng như sáng tạo, giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng, đóng góp vào các nhóm dự án với khả năng của thành viên của khung CTĐT và CNTT của ngành CNTT của ĐH Nguyễn Tất

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ đại học)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg)	CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Nhận xét
		sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.		Thành cũng tương đồng với nhau.
3	Mức tự chủ và trách nhiệm	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	- Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội. - Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, đam mê nghiên cứu khoa học, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Mức tự chủ và trách nhiệm như làm việc độc lập, đưa ra kết luận, lập kế hoạch, đánh giá cải thiện của khung trình độ quốc gia cũng tương đương với các các thích ứng, tuân thủ quy định, định hướng nghề nghiệp của CTĐT ngành CNTT của ĐH Nguyễn Tất Thành.

5. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với các trường khác

- Đối sánh chuẩn đầu ra với một số trường đại học trong nước

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH công nghệ thông tin TP. HCM	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực công nghệ thông tin	Có khả năng vận dụng các kiến thức toán học và khoa học cơ bản vào học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để giải quyết vấn đề liên quan chuyên ngành.	Tỉ lệ giống nhau từ 98% và 95 %
2	Phân tích các yêu cầu của người sử dụng, các tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường đối với hệ thống CNTT để phục vụ cho việc lựa chọn, sáng tạo, đánh giá và quản lý hệ thống CNTT	Nắm vững các kỹ thuật, ngôn ngữ, công cụ lập trình, biết cách phân tích thiết kế thuật toán. Nắm vững các kỹ thuật phân tích thiết kế hệ thống thông tin, thiết kế xây dựng cơ sở dữ liệu, tích hợp hệ thống, xây dựng phần mềm.	Phân tích, lập luận, và giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Công nghệ Thông tin (quản lý nguồn tài nguyên, các hoạt động của cơ quan/doanh nghiệp, các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao khả năng lãnh đạo, quản lý, hoạt động của cơ quan/doanh nghiệp).	Tỉ lệ giống nhau 90% và 95%
3	Thiết kế hệ thống phần mềm và phần cứng đáp ứng các yêu cầu đề ra bằng cách vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, kỹ thuật hiện đại và các cách tiếp cận thích hợp.	Nắm vững các kiến thức về mạng máy tính, an toàn thông tin và an ninh mạng, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin.	Phân tích, thiết kế, đánh giá các thành phần hoặc toàn hệ thống thuộc lĩnh vực ngành Công nghệ Thông tin, vận dụng nhanh các công nghệ, kỹ thuật, công cụ phù hợp để quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực thực tế.	Tỉ lệ giống nhau 90% và 95%
4	Phát triển hệ thống CNTT bằng cách vận dụng tích hợp			

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH công nghệ thông tin TP. HCM	Nhận xét
	các kỹ thuật, kỹ năng và công nghệ phù hợp.			
5	Vận hành hệ thống CNTT một cách an toàn, hiệu quả dựa trên việc thu thập, phân tích, đánh giá, lý giải thông tin một cách có hệ thống, sự hiểu biết về các diễn hình tốt và các tiêu chuẩn quốc tế.			Tỉ lệ giống nhau 90% và 95%
6	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm (thành lập, điều hành và duy trì công tác nhóm)	Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm (thành lập, điều hành và duy trì công tác nhóm).	Tỉ lệ giống nhau 95% và 90%
7	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau kể cả giao tiếp tiếng Anh.	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Vận dụng được kỹ năng giao tiếp (kỹ năng làm chủ đối thoại, thuyết trình tốt). Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (kỹ năng nghe nói, đọc hiểu tài liệu, viết khá tốt tiếng Anh).	Tỉ lệ giống nhau 90% và 98%
8	Làm việc trong các nhóm đa ngành, đa chức năng, các dự án liên quan trong vai trò là	Có khả năng ngoại ngữ chuyên ngành để hiểu các văn bản có nội dung gắn với chuyên môn được đào	Có tư duy hệ thống, có khả năng phân tích, thiết kế các thành phần	Tỉ lệ giống nhau 95% và 98%

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH công nghệ thông tin TP. HCM	Nhận xét
	Thành viên hay quản lý kỹ thuật.	tạo.	hoặc toàn bộ hệ thống thuộc lĩnh vực CNTT. Có khả năng tư duy phân tích, hệ thống và phản biện	
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.	Giải thích được nguyên lý hoạt động cơ bản của hệ thống phần cứng và phần mềm và mạng máy tính.	Có hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	Tỉ lệ giống nhau 95% và 98%
10	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, đam mê nghiên cứu khoa học, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Có phẩm chất đạo đức tốt, lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công việc.	Hiểu về sự cần thiết để học tập suốt đời, hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%

- Đối sánh chuẩn đầu ra với một số trường đại học quốc tế

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH San Jose State, CA, Hoa Kỳ	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH London South Bank, Anh Quốc	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp	Applying mathematical knowledge, natural sciences, social sciences, engineering	An ability to apply knowledge of mathematics, science, and engineering	Tỉ lệ giống nhau từ 95% và 95%

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Jose State, CA, Hoa Kỳ	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH London South Bank, Anh Quốc	Nhận xét
	luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực công nghệ thông tin	and technology to the field of Information Technology		
2	Phân tích các yêu cầu của người sử dụng, các tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường đối với hệ thống CNTT để phục vụ cho việc lựa chọn, sáng tạo, đánh giá và quản lý hệ thống CNTT	An ability to use the techniques, skills, and modern engineering tools necessary for engineering practice. A knowledge of contemporary issues An ability to design and conduct experiments, as well as to analyze and interpret data An ability to identify, formulate, and solve engineering problems An ability to design a system, component, or process to meet desired needs within realistic constraints such as economic, environmental, social, political,	An ability to use the techniques, skills, and modern engineering tools necessary for engineering practice. A knowledge of contemporary issues An ability to design and conduct experiments, as well as to analyze and interpret data An ability to identify, formulate, and solve engineering problems An ability to design a system, component, or process to meet desired needs within realistic constraints such as	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%
3	Thiết kế hệ thống phần mềm và phần cứng đáp ứng các yêu cầu đề ra bằng cách vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, kỹ thuật hiện đại và các cách tiếp cận thích hợp.	An ability to identify, formulate, and solve engineering problems An ability to design a system, component, or process to meet desired needs within realistic constraints such as economic, environmental, social, political,	An ability to identify, formulate, and solve engineering problems An ability to design a system, component, or process to meet desired needs within realistic constraints such as	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%
4	Phát triển hệ thống CNTT bằng cách vận dụng tích hợp			Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH San Jose State, CA, Hoa Kỳ	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH London South Bank, Anh Quốc	Nhận xét
	các kỹ thuật, kỹ năng và công nghệ phù hợp.	ethical, health and safety, and manufacturability, and sustainability	economic, environmental, social, political, ethical, health and safety, and manufacturability, and sustainability	
5	Vận hành hệ thống CNTT một cách an toàn, hiệu quả dựa trên việc thu thập, phân tích, đánh giá, lý giải thông tin một cách có hệ thống, sự hiểu biết về các điển hình tốt và các tiêu chuẩn quốc tế.			Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%
6	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	An ability to function on multidisciplinary teams	An ability to function on multidisciplinary teams	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%
7	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau kể cả giao tiếp tiếng Anh.	An ability to communicate effectively	An ability to communicate effectively	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%
8	Làm việc trong các nhóm đa ngành, đa chức năng, các dự án liên quan trong vai trò là thành viên hay quản lý kỹ thuật.	System thinking, critical thinking and creative thinking.	System thinking, critical thinking and creative thinking.	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%

STT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH San Jose State, CA, Hoa Kỳ	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT của Trường ĐH London South Bank, Anh Quốc	Nhận xét
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.	An understanding of professional and ethical responsibility The broad education necessary to understand the impact of engineering solutions in a global, economic, environmental, and societal context	An understanding of professional and ethical responsibility The broad education necessary to understand the impact of engineering solutions in a global, economic, environmental, and societal context	Tỉ lệ giống nhau 90% và 95%
10	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, đam mê nghiên cứu khoa học, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	A recognition of the need for, and an ability to engage in life-long learning.	A recognition of the need for, and an ability to engage in life-long learning	Tỉ lệ giống nhau 95% và 95%

III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin làm việc ở các vị trí:

- Thạc sĩ về phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm phần cứng, phần mềm và hệ thống mạng;
- Thạc sĩ quản trị hệ thống mạng và phần mềm;
- Thạc sĩ quản trị dự án công nghệ thông tin và các lĩnh vực liên quan;
- Thạc sĩ bảo trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin;
- Cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Các nhà quản trị hệ thống công nghệ thông tin.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về công nghệ thông tin tại các cơ sở đào tạo.

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin, sinh viên có thể tham gia học tập các chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin của hệ thống thông tin trong nước hoặc quốc tế.

V. VĂN BẢN THAM KHẢO VỀ CHUẨN ĐẦU RA

- 5.1. Kế hoạch số 15/KH-NTT ban hành ngày 05 tháng 02 năm 2021 của trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc “Rà soát, hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển Trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035”;
- 5.2. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT, “Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học”;
- 5.3. Kế hoạch số 21/KH-NTT, ban hành ngày 23 tháng 02 năm 2022 của trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc “Rà soát, cải tiến, xây dựng chương trình đào tạo”;
- 5.4. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học, từ Khóa 2018 đến Khóa 2021;
- 5.5. Báo cáo tổng kết hội thảo, khảo sát các bên liên quan về năng lực và chuẩn đầu ra nghề nghiệp Thạc sĩ Công nghệ thông tin;
- 5.6. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- 5.7. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Công nghệ thông tin – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- 5.8. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học San Jose State, CA, Hoa Kỳ.

- 5.9. Giới thiệu chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học London South Bank, Anh Quốc.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Lâm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Kim Quốc